

Số: 04 /2018/NQ-HĐND

An Giang, ngày 19 tháng 7 năm 2018

NGHỊ QUYẾT
Ban hành Quy định phân cấp quản lý tài sản công
thuộc phạm vi quản lý của tỉnh An Giang

HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN TỈNH AN GIANG
KHÓA IX KỶ HỌP THỨ 7

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 22 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật Quản lý, sử dụng tài sản công ngày 21 tháng 6 năm 2017;

Căn cứ Nghị định số 151/2017/NĐ-CP ngày 26 tháng 12 năm 2017 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Quản lý, sử dụng tài sản công;

Căn cứ Nghị định số 165/2017/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2017 của Chính phủ quy định việc quản lý, sử dụng tài sản tại cơ quan Đảng Cộng sản Việt Nam;

Căn cứ Nghị định số 167/2017/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2017 của Chính phủ quy định việc sắp xếp, xử lý tài sản công;

Căn cứ Thông tư số 144/2017/TT-BTC ngày 29 tháng 12 năm 2017 của Bộ trưởng Bộ Tài chính hướng dẫn một số nội dung của Nghị định số 151/2017/NĐ-CP ngày 26 tháng 12 năm 2017 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Quản lý, sử dụng tài sản công;

Xét Tờ trình số 399/TTr-UBND ngày 06 tháng 7 năm 2018 của Ủy ban nhân dân tỉnh dự thảo Nghị quyết phân cấp quản lý tài sản công thuộc phạm vi quản lý của tỉnh An Giang; Báo cáo thẩm tra của Ban kinh tế - ngân sách; ý kiến thảo luận của đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh tại kỳ họp.

QUYẾT NGHỊ:

Điều 1. Ban hành kèm theo Nghị quyết này Quy định phân cấp quản lý tài sản công thuộc phạm vi quản lý của tỉnh An Giang.

Điều 2. Giao Ủy ban nhân dân tỉnh triển khai thực hiện Nghị quyết này.

Pha

Điều 3. Nghị quyết này đã được Hội đồng nhân dân tỉnh khóa IX kỳ họp thứ 7 thông qua ngày 19 tháng 7 năm 2018, có hiệu lực từ ngày 30 tháng 7 năm 2018 và thay thế Nghị quyết số 19/2013/NQ-HĐND ngày 10 tháng 12 năm 2013 của Hội đồng nhân dân tỉnh, Nghị quyết số 03/2015/NQ-HĐND ngày 09 tháng 7 năm 2015 của Hội đồng nhân dân tỉnh về việc bổ sung Nghị quyết số 19/2013/NQ-HĐND ngày 10 tháng 12 năm 2013 của Hội đồng nhân dân tỉnh về phân cấp quản lý, sử dụng tài sản nhà nước trên địa bàn tỉnh An Giang. / *ML*

Nơi nhận:

- Ủy ban Thường vụ Quốc hội;
- Chính phủ;
- Ủy ban Trung ương MTTQ Việt Nam;
- Ban Công tác đại biểu - UBTVQH;
- Văn phòng Quốc hội;
- Văn phòng Chính phủ;
- Bộ Tài chính;
- Vụ Công tác Quốc hội, Địa phương và Đoàn thể - VPCP;
- Kiểm toán Nhà nước Khu vực IX;
- Cục Kiểm tra văn bản - Bộ Tư pháp;
- Website Chính phủ;
- Thường trực: TU, HĐND, UBND, UBMTTQVN tỉnh;
- Đoàn ĐBQH tỉnh;
- Đại biểu HĐND tỉnh;
- Các Sở, ban, ngành, đoàn thể cấp tỉnh;
- Văn phòng: TU, HĐND, UBND, UBMTTQVN tỉnh;
- Thường trực: HĐND, UBND các huyện, thị xã, thành phố;
- Cơ quan thường trú TTXVN tại AG, Báo Nhân dân tại AG, Truyền hình Quốc hội tại Kiên Giang, Báo An Giang, Đài Phát thanh - Truyền hình An Giang;
- Website tỉnh; Trung tâm Công báo tỉnh;
- Lưu: VT, Phòng Tổng hợp-Huy.



QUY ĐỊNH

**Phân cấp quản lý tài sản công
thuộc phạm vi quản lý của tỉnh An Giang**

*(Ban hành kèm theo Nghị quyết số/2018/NQ-HĐND
ngày 19 tháng 7 năm 2018 của Hội đồng nhân dân tỉnh)*

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh

Quy định này quy định việc phân cấp quản lý tài sản công thuộc phạm vi quản lý của tỉnh An Giang, bao gồm:

1. Phân cấp quản lý tài sản công tại các cơ quan nhà nước; đơn vị sự nghiệp công lập; Văn phòng huyện ủy, thị ủy, thành ủy là đơn vị dự toán thuộc ngân sách nhà nước cấp huyện được Nhà nước giao tài sản bằng hiện vật và cấp kinh phí từ nguồn ngân sách nhà nước để đầu tư, mua sắm, thuê tài sản (sau đây gọi chung là Văn phòng huyện ủy); tổ chức chính trị - xã hội; tổ chức chính trị xã hội - nghề nghiệp; tổ chức xã hội; tổ chức xã hội - nghề nghiệp và các tổ chức khác được thành lập theo quy định của pháp luật về hội, gồm:

a) Trụ sở làm việc, cơ sở hoạt động sự nghiệp (gồm nhà làm việc, công trình sự nghiệp, nhà ở công vụ và tài sản khác gắn liền với đất thuộc trụ sở làm việc, cơ sở hoạt động sự nghiệp, nhà ở công vụ; quyền sử dụng đất thuộc trụ sở làm việc, cơ sở hoạt động sự nghiệp, nhà ở công vụ);

b) Xe ô tô (gồm xe ô tô công tác và xe ô tô chuyên dùng) và phương tiện vận tải khác; máy móc, thiết bị;

c) Quyền sở hữu trí tuệ, phần mềm ứng dụng, cơ sở dữ liệu;

d) Tài sản khác theo quy định của pháp luật.

2. Phân cấp thẩm quyền phê duyệt phương án xử lý tài sản phục vụ hoạt động của dự án thuộc địa phương quản lý.

Điều 2. Đối tượng áp dụng

1. Ủy ban nhân dân tỉnh.

2. Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh.

3. Chủ tịch Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã và thành phố (sau đây gọi chung là cấp huyện).

4. Chủ tịch Ủy ban nhân dân các xã, phường và thị trấn (sau đây gọi chung là cấp xã).

5. Thủ trưởng các cơ quan nhà nước, đơn vị sự nghiệp công lập, Văn phòng huyện ủy, tổ chức chính trị - xã hội, tổ chức chính trị xã hội - nghề nghiệp, tổ chức xã hội, tổ chức xã hội - nghề nghiệp và tổ chức khác được thành lập theo quy định của pháp luật về hội (sau đây gọi chung là cơ quan, tổ chức, đơn vị).

6. Các tổ chức, cá nhân khác có liên quan.

Điều 3. Nguyên tắc phân cấp

1. Phân cấp quản lý tài sản công nhằm đảm bảo việc quản lý, sử dụng tài sản công được thực hiện theo đúng quy định tại Luật quản lý, sử dụng tài sản công, phân cấp rõ thẩm quyền, trách nhiệm của từng cơ quan, tổ chức, đơn vị và trách nhiệm phối hợp giữa các cơ quan nhà nước theo chức năng, nhiệm vụ được giao. Việc phân cấp phù hợp với quy định về phân cấp quản lý nhà nước về kinh tế - xã hội, quản lý ngân sách nhà nước và phù hợp với tình hình thực tế, yêu cầu công tác quản lý tài sản công của tỉnh.

2. Tài sản công được đầu tư, trang bị và sử dụng đúng mục đích, tiêu chuẩn, định mức, chế độ, đảm bảo hiệu quả, tiết kiệm, chống lãng phí. Việc quản lý, sử dụng tài sản công được thực hiện công khai, minh bạch; mọi hành vi vi phạm chế độ quản lý, sử dụng tài sản công phải được xử lý kịp thời, nghiêm minh theo quy định của pháp luật.

3. Phân cấp quản lý tài sản công nhằm tạo điều kiện và nâng cao năng lực quản lý cho các cơ quan, tổ chức, đơn vị. Đồng thời tăng cường thực hiện công tác hướng dẫn, kiểm tra, giám sát của các ngành, các cấp cũng như các cơ quan, tổ chức, đơn vị về quản lý, sử dụng tài sản công.

4. Các cơ quan, tổ chức, đơn vị được giao trực tiếp quản lý, sử dụng tài sản công phải quản lý, sử dụng tài sản theo đúng chế độ hiện hành và theo các quy định về phân cấp của tỉnh; thực hiện tự chủ, tự chịu trách nhiệm trong việc quản lý, sử dụng tài sản công.

Điều 4. Thẩm quyền quyết định mua sắm tài sản công tại cơ quan, tổ chức, đơn vị

1. Thẩm quyền quyết định mua sắm tài sản công trong trường hợp phải lập thành dự án đầu tư được thực hiện theo quy định của pháp luật về đầu tư công và pháp luật có liên quan được quy định tại khoản 1 Điều 3 Nghị định số 151/2017/NĐ-CP ngày 26 tháng 12 năm 2017 của Chính phủ.

2. Thẩm quyền quyết định mua sắm tài sản công trong trường hợp không thuộc phạm vi quy định tại khoản 1 Điều này được thực hiện như sau:

a) Đối với việc mua sắm tài sản theo phương thức tập trung cấp tỉnh (trừ thuốc): Giao Ủy ban nhân tỉnh quyết định ban hành danh mục tài sản và đơn vị mua sắm tập trung cấp tỉnh theo quy định tại điểm c khoản 2 Điều 67 và khoản 4 Điều 68 Nghị định số 151/2017/NĐ-CP ngày 26 tháng 12 năm 2017 của Chính phủ và các quy định pháp luật có liên quan.

b) Đối với việc mua sắm tài sản không theo phương thức tập trung cấp tỉnh:

- Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh quyết định mua sắm tài sản trên cơ sở đề nghị của Giám đốc Sở Tài chính và Thủ trưởng các cơ quan có liên quan đối với các loại tài sản:

+ Trụ sở làm việc, cơ sở hoạt động sự nghiệp;

+ Xe ô tô theo quy định tại Nghị định của Chính phủ;
+ Tài sản khác có giá trị lớn từ 500 triệu đồng trở lên/01 đơn vị tài sản hoặc 01 lần mua sắm tài sản (01 gói thầu trong đó có tài sản giá trị từ 500 triệu đồng trở lên/01 đơn vị tài sản).

+ Phê duyệt dự toán kinh phí mua sắm tài sản từ nguồn ngân sách nhà nước cho các cơ quan, tổ chức, đơn vị cấp tỉnh.

- Thủ trưởng các Sở, ban, ngành cấp tỉnh quyết định mua sắm tài sản (trừ trụ sở làm việc, cơ sở hoạt động sự nghiệp, xe ô tô) có giá trị từ 100 triệu đồng đến dưới 500 triệu đồng/01 đơn vị tài sản hoặc từ 100 triệu đồng trở lên/01 một lần mua sắm tài sản (một gói thầu gồm nhiều tài sản có giá trị dưới 500 triệu đồng/01 đơn vị tài sản) từ dự toán kinh phí được giao hàng năm và nguồn thu được phép để lại sử dụng theo chế độ quy định của các cơ quan, tổ chức, đơn vị thuộc phạm vi quản lý.

- Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp huyện quyết định mua sắm tài sản trên cơ sở đề nghị của Trưởng phòng Tài chính - Kế hoạch và Thủ trưởng các cơ quan có liên quan đối với các loại tài sản:

+ Tài sản (trừ trụ sở làm việc, cơ sở hoạt động sự nghiệp, xe ô tô) có giá trị từ 100 triệu đồng đến dưới 500 triệu đồng/01 đơn vị tài sản hoặc từ 100 triệu đồng trở lên/01 một lần mua sắm tài sản (một gói thầu gồm nhiều tài sản có giá trị dưới 500 triệu đồng/01 đơn vị tài sản) của các cơ quan, tổ chức, đơn vị thuộc cấp huyện và cấp xã;

+ Phê duyệt dự toán kinh phí mua sắm tài sản từ nguồn ngân sách nhà nước cho các cơ quan, tổ chức, đơn vị thuộc cấp huyện và cấp xã.

- Thủ trưởng các cơ quan, tổ chức, đơn vị trực thuộc các Sở, ban, ngành cấp tỉnh; Thủ trưởng các cơ quan, tổ chức, đơn vị thuộc cấp huyện; Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã quyết định mua sắm tài sản (trừ trụ sở làm việc, cơ sở hoạt động sự nghiệp, xe ô tô) có giá trị dưới 100 triệu đồng/01 đơn vị tài sản hoặc 01 một lần mua sắm tài sản (một gói thầu) từ dự toán kinh phí được giao hàng năm và nguồn thu được phép để lại sử dụng theo chế độ quy định thuộc phạm vi quản lý.

- Thủ trưởng đơn vị sự nghiệp công lập tự đảm bảo chi thường xuyên và chi đầu tư quyết định mua sắm tài sản (trừ cơ sở hoạt động sự nghiệp, xe ô tô) từ Quỹ phát triển hoạt động sự nghiệp và từ nguồn vốn vay, vốn huy động theo quy định tại điểm c khoản 2 Điều 37 Nghị định số 151/2017/NĐ-CP ngày 26 tháng 12 năm 2017 của Chính phủ.

Điều 5. Thẩm quyền quyết định thuê tài sản công tại cơ quan, tổ chức, đơn vị

1. Đối với thuê trụ sở làm việc, cơ sở hoạt động sự nghiệp:

a) Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh quyết định việc thuê trụ sở làm việc, cơ sở hoạt động sự nghiệp phục vụ hoạt động của các cơ quan, tổ chức, đơn vị thuộc cấp tỉnh trên cơ sở đề nghị của Giám đốc Sở Tài chính và Thủ trưởng các cơ quan có liên quan.

b) Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp huyện quyết định việc thuê trụ sở làm việc, cơ sở hoạt động sự nghiệp phục vụ hoạt động của các cơ quan, tổ chức, đơn vị thuộc cấp huyện và cấp xã trên cơ sở đề nghị của Trưởng phòng Tài chính - Kế hoạch và Thủ trưởng các cơ quan có liên quan.

2. Đối với thuê tài sản khác (trừ trụ sở làm việc, cơ sở hoạt động sự nghiệp) phục vụ hoạt động của cơ quan, tổ chức, đơn vị: trong phạm vi dự toán kinh phí được giao hàng năm và nguồn thu được phép để lại sử dụng theo chế độ quy định, Thủ trưởng các cơ quan, tổ chức, đơn vị quyết định thuê theo tiêu chuẩn, định mức của cấp có thẩm quyền.

3. Thủ trưởng đơn vị sự nghiệp công lập tự đảm bảo chi thường xuyên và chi đầu tư quyết định thuê tài sản từ Quỹ phát triển hoạt động sự nghiệp và từ nguồn vốn vay, vốn huy động theo quy định tại điểm c khoản 1 Điều 38 Nghị định số 151/2017/NĐ-CP ngày 26 tháng 12 năm 2017 của Chính phủ.

Điều 6. Thẩm quyền quyết định thu hồi tài sản công tại cơ quan, tổ chức, đơn vị

1. Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh quyết định thu hồi tài sản trên cơ sở đề nghị của Thủ trưởng các cơ quan, tổ chức, đơn vị được giao quản lý, sử dụng tài sản hoặc cơ quan có chức năng thanh tra, kiểm tra, kiểm toán, xử phạt vi phạm hành chính và các cơ quan quản lý nhà nước khác đối với các loại tài sản:

a) Trụ sở làm việc, cơ sở hoạt động sự nghiệp;

b) Xe ô tô;

c) Tài sản khác có nguyên giá theo sổ sách kế toán từ 500 triệu đồng trở lên/01 đơn vị tài sản hoặc 01 lần thu hồi tài sản (trong đó có tài sản nguyên giá từ 500 triệu đồng trở lên/01 đơn vị tài sản).

2. Thủ trưởng các Sở, ban, ngành cấp tỉnh quyết định thu hồi tài sản (trừ trụ sở làm việc, cơ sở hoạt động sự nghiệp, xe ô tô) có nguyên giá theo sổ sách kế toán từ 100 triệu đồng đến dưới 500 triệu đồng/01 đơn vị tài sản hoặc từ 100 triệu đồng trở lên/01 lần thu hồi tài sản (gồm nhiều tài sản có nguyên giá dưới 500 triệu đồng/01 đơn vị tài sản) trên cơ sở đề nghị của Thủ trưởng các cơ quan, tổ chức, đơn vị thuộc phạm vi quản lý hoặc cơ quan có chức năng thanh tra, kiểm tra, kiểm toán, xử phạt vi phạm hành chính và các cơ quan quản lý nhà nước khác.

3. Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp huyện quyết định thu hồi tài sản (trừ trụ sở làm việc, cơ sở hoạt động sự nghiệp, xe ô tô) có nguyên giá theo sổ sách kế toán từ 100 triệu đồng đến dưới 500 triệu đồng/01 đơn vị tài sản hoặc từ 100 triệu đồng trở lên/01 lần thu hồi tài sản (gồm nhiều tài sản có nguyên giá dưới 500 triệu đồng/01 đơn vị tài sản) của các cơ quan, tổ chức, đơn vị thuộc cấp huyện và cấp xã trên cơ sở đề nghị của Thủ trưởng các cơ quan, tổ chức, đơn vị được giao quản lý, sử dụng tài sản hoặc cơ quan có chức năng thanh tra, kiểm tra, kiểm toán, xử phạt vi phạm hành chính và các cơ quan quản lý nhà nước khác.

4. Thủ trưởng các cơ quan, tổ chức, đơn vị trực thuộc các Sở, ban, ngành cấp tỉnh; Thủ trưởng cơ quan, tổ chức, đơn vị thuộc cấp huyện, Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã quyết định thu hồi tài sản (trừ trụ sở làm việc, cơ sở hoạt động sự nghiệp, xe ô tô) có nguyên giá theo sổ sách kế toán dưới 100 triệu đồng/01

đơn vị tài sản hoặc 01 lần thu hồi tài sản thuộc phạm vi quản lý hoặc theo yêu cầu của cơ quan có chức năng thanh tra, kiểm tra, kiểm toán, xử phạt vi phạm hành chính và các cơ quan quản lý nhà nước khác.

Điều 7. Thẩm quyền quyết định điều chuyển tài sản tại cơ quan, tổ chức, đơn vị

1. Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh quyết định điều chuyển tài sản trên cơ sở đề nghị của Giám đốc Sở Tài chính và Thủ trưởng các cơ quan có liên quan trong các trường hợp sau:

- a) Giữa các Sở, ban, ngành cấp tỉnh.
- b) Giữa các cơ quan, tổ chức, đơn vị thuộc cấp tỉnh với cấp huyện, cấp xã.
- c) Giữa các cơ quan, tổ chức, đơn vị thuộc cấp huyện khác đơn vị hành chính.

2. Thủ trưởng các Sở, ban, ngành cấp tỉnh quyết định điều chuyển tài sản (trừ trụ sở làm việc, cơ sở hoạt động sự nghiệp, xe ô tô) trong phạm vi nội bộ giữa các cơ quan, tổ chức, đơn vị thuộc phạm vi quản lý.

3. Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp huyện quyết định điều chuyển tài sản (trừ xe ô tô) trên cơ sở đề nghị của Trưởng phòng Tài chính - Kế hoạch và Thủ trưởng các cơ quan có liên quan trong các trường hợp sau:

- a) Giữa các cơ quan, tổ chức, đơn vị thuộc cấp huyện quản lý.
- b) Giữa các cơ quan, tổ chức, đơn vị thuộc cấp huyện với cấp xã.
- c) Giữa các cơ quan, tổ chức, đơn vị thuộc cấp xã khác đơn vị hành chính.

4. Thủ trưởng các cơ quan, tổ chức, đơn vị trực thuộc các Sở, ban, ngành cấp tỉnh; Thủ trưởng cơ quan, tổ chức, đơn vị thuộc cấp huyện, Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã quyết định điều chuyển tài sản (trừ trụ sở làm việc, cơ sở hoạt động sự nghiệp, xe ô tô) thuộc phạm vi quản lý.

Điều 8. Thẩm quyền quyết định bán tài sản công tại cơ quan, tổ chức, đơn vị

1. Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh quyết định bán tài sản trên cơ sở đề nghị của Giám đốc Sở Tài chính và Thủ trưởng các cơ quan có liên quan đối với các loại tài sản:

- a) Bán đấu giá tài sản là trụ sở làm việc, cơ sở hoạt động sự nghiệp;
- b) Xe ô tô;
- c) Tài sản khác có nguyên giá theo sổ sách kế toán từ 500 triệu đồng trở lên/01 đơn vị tài sản hoặc 01 lần bán tài sản (trong đó có tài sản nguyên giá từ 500 triệu đồng trở lên/01 đơn vị tài sản).

2. Thủ trưởng các Sở, ban, ngành cấp tỉnh quyết định bán tài sản (trừ trụ sở làm việc, cơ sở hoạt động sự nghiệp, xe ô tô) có nguyên giá theo sổ sách kế toán từ 100 triệu đồng đến dưới 500 triệu đồng/01 đơn vị tài sản hoặc từ 100 triệu đồng trở lên/01 lần bán tài sản (gồm nhiều tài sản có nguyên giá dưới 500 triệu đồng/01 đơn vị tài sản) trên cơ sở đề nghị của Thủ trưởng các cơ quan, tổ chức, đơn vị thuộc phạm vi quản lý.

3. Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp huyện quyết định bán tài sản (trừ trụ sở làm việc, cơ sở hoạt động sự nghiệp, xe ô tô) có nguyên giá theo sổ sách kế toán từ 100 triệu đồng đến dưới 500 triệu đồng/01 đơn vị tài sản hoặc từ 100 triệu đồng trở lên/01 lần bán tài sản (gồm nhiều tài sản có nguyên giá dưới 500 triệu đồng/01 đơn vị tài sản) của các cơ quan, tổ chức, đơn vị thuộc cấp huyện và cấp xã trên cơ sở đề nghị của Trưởng phòng Tài chính - Kế hoạch và Thủ trưởng các cơ quan có liên quan.

4. Thủ trưởng các cơ quan, tổ chức, đơn vị trực thuộc các Sở, ban, ngành cấp tỉnh; Thủ trưởng cơ quan, tổ chức, đơn vị thuộc cấp huyện, Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã quyết định bán tài sản (trừ trụ sở làm việc, cơ sở hoạt động sự nghiệp, xe ô tô) có nguyên giá theo sổ sách kế toán dưới 100 triệu đồng/01 đơn vị tài sản hoặc 01 lần bán tài sản thuộc phạm vi quản lý.

5. Thủ trưởng đơn vị sự nghiệp công lập quyết định bán tài sản (trừ cơ sở hoạt động sự nghiệp, xe ô tô) được hình thành từ nguồn Quỹ phát triển hoạt động sự nghiệp hoặc từ nguồn vốn vay, vốn huy động theo quy định tại khoản 2 Điều 50 Nghị định số 151/2017/NĐ-CP ngày 26 tháng 12 năm 2017 của Chính phủ.

Điều 9. Thẩm quyền quyết định thanh lý tài sản công tại cơ quan, tổ chức, đơn vị

1. Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh quyết định thanh lý tài sản trên cơ sở đề nghị của Giám đốc Sở Tài chính và Thủ trưởng các cơ quan có liên quan đối với các loại tài sản sau:

a) Nhà làm việc, công trình sự nghiệp, nhà ở công vụ, tài sản khác gắn liền với đất phải phá dỡ theo quyết định của cơ quan nhà nước có thẩm quyền để giải phóng mặt bằng thực hiện dự án đầu tư, giải phóng mặt bằng theo quy hoạch và các trường hợp khác theo quy định của pháp luật của các cơ quan, tổ chức, đơn vị thuộc cấp tỉnh;

b) Xe ô tô;

c) Tài sản khác có nguyên giá theo sổ sách kế toán từ 500 triệu đồng trở lên/01 đơn vị tài sản hoặc 01 lần thanh lý tài sản (trong đó có tài sản nguyên giá từ 500 triệu đồng trở lên/01 đơn vị tài sản).

2. Thủ trưởng các Sở, ban, ngành cấp tỉnh quyết định thanh lý tài sản (trừ nhà làm việc, công trình sự nghiệp, nhà ở công vụ, tài sản khác gắn liền với đất, xe ô tô) có nguyên giá theo sổ sách kế toán từ 100 triệu đồng đến dưới 500 triệu đồng/01 đơn vị tài sản hoặc từ 100 triệu đồng trở lên/01 lần thanh lý tài sản (gồm nhiều tài sản có nguyên giá dưới 500 triệu đồng/01 đơn vị tài sản) trên cơ sở đề nghị của Thủ trưởng các cơ quan, tổ chức, đơn vị thuộc phạm vi quản lý.

3. Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp huyện quyết định thanh lý tài sản theo đề nghị của Trưởng phòng Tài chính - Kế hoạch và Thủ trưởng các cơ quan có liên quan đối với các loại tài sản sau:

a) Nhà làm việc, công trình sự nghiệp, nhà ở công vụ, tài sản khác gắn liền với đất phải phá dỡ theo quyết định của cơ quan nhà nước có thẩm quyền để giải phóng mặt bằng thực hiện dự án đầu tư, giải phóng mặt bằng theo quy hoạch và

các trường hợp khác theo quy định của pháp luật của các cơ quan, tổ chức, đơn vị thuộc cấp huyện và cấp xã.

b) Tài sản khác (trừ xe ô tô) có nguyên giá theo sổ sách kế toán từ 100 triệu đồng đến dưới 500 triệu đồng/01 đơn vị tài sản hoặc từ 100 triệu đồng trở lên/01 lần thanh lý tài sản (gồm nhiều tài sản có nguyên giá dưới 500 triệu đồng/01 đơn vị tài sản) của các cơ quan, tổ chức, đơn vị thuộc cấp huyện và cấp xã.

4. Thủ trưởng các cơ quan, tổ chức, đơn vị trực thuộc các Sở, ban, ngành cấp tỉnh; Thủ trưởng cơ quan, tổ chức, đơn vị thuộc cấp huyện, Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã quyết định thanh lý tài sản (trừ nhà làm việc, công trình sự nghiệp, nhà ở công vụ, tài sản khác gắn liền với đất, xe ô tô) có giá trị dưới 100 triệu đồng/01 đơn vị tài sản hoặc 01 lần thanh lý tài thuộc phạm vi quản lý.

5. Thủ trưởng đơn vị sự nghiệp công lập quyết định thanh lý tài sản (trừ công trình sự nghiệp, nhà ở công vụ, tài sản khác gắn liền với đất, xe ô tô và tài sản khác có nguyên giá từ 500 triệu đồng trở lên/01 đơn vị tài sản) theo quy định tại khoản 2 Điều 51 Nghị định số 151/2017/NĐ-CP ngày 26 tháng 12 năm 2017 của Chính phủ.

Điều 10. Thẩm quyền quyết định tiêu hủy tài sản công tại cơ quan, tổ chức, đơn vị

1. Tài sản công bị tiêu hủy theo quy định của pháp luật về bảo vệ bí mật nhà nước, pháp luật về môi trường và pháp luật có liên quan theo quy định tại khoản 1 Điều 46 Luật Quản lý, sử dụng tài sản công.

2. Thẩm quyền quyết định tiêu hủy tài sản công:

a) Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh quyết định tiêu hủy tài sản trên cơ sở đề nghị của Giám đốc Sở Tài chính và Thủ trưởng các cơ quan có liên quan đối với các loại tài sản sau:

- Nhà làm việc, công trình sự nghiệp, nhà ở công vụ, tài sản khác gắn liền với đất;

- Xe ô tô;

- Tài sản khác có nguyên giá theo sổ sách kế toán từ 500 triệu đồng trở lên/01 đơn vị tài sản hoặc 01 lần tiêu hủy tài sản (trong đó có tài sản nguyên giá từ 500 triệu đồng trở lên/01 đơn vị tài sản).

2. Thủ trưởng các Sở, ban, ngành cấp tỉnh quyết định tiêu hủy đối với tài sản (trừ nhà làm việc, công trình sự nghiệp, nhà ở công vụ, tài sản khác gắn liền với đất, xe ô tô) có nguyên giá theo sổ sách kế toán từ 100 triệu đồng đến dưới 500 triệu đồng/01 đơn vị tài sản hoặc từ 100 triệu đồng trở lên/01 lần tiêu hủy tài sản (gồm nhiều tài sản có nguyên giá dưới 500 triệu đồng/01 đơn vị tài sản) trên cơ sở đề nghị của Thủ trưởng các cơ quan, tổ chức, đơn vị thuộc phạm vi quản lý.

3. Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp huyện quyết định tiêu hủy đối với tài sản (trừ nhà làm việc, công trình sự nghiệp, nhà ở công vụ, tài sản khác gắn liền với đất, xe ô tô) có nguyên giá theo sổ sách kế toán từ 100 triệu đồng đến dưới 500 triệu đồng/01 đơn vị tài sản hoặc từ 100 triệu đồng trở lên/01 lần tiêu hủy tài sản (gồm nhiều tài sản có nguyên giá dưới 500 triệu đồng/01 đơn vị tài sản) trên cơ sở

đề nghị của Trưởng phòng Tài chính - Kế hoạch và Thủ trưởng các cơ quan có liên quan.

4. Thủ trưởng các cơ quan, tổ chức, đơn vị trực thuộc các Sở, ban, ngành cấp tỉnh; Thủ trưởng cơ quan, tổ chức, đơn vị thuộc cấp huyện, Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã quyết định tiêu hủy đối với tài sản (trừ nhà làm việc, công trình sự nghiệp, nhà ở công vụ, tài sản khác gắn liền với đất, xe ô tô) có nguyên giá theo sổ sách kế toán dưới 100 triệu đồng/01 đơn vị tài sản hoặc 01 lần tiêu hủy tài sản thuộc phạm vi quản lý.

Điều 11. Thẩm quyền quyết định xử lý tài sản công trong trường hợp bị mất, bị hủy hoại tại cơ quan, tổ chức, đơn vị

1. Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh quyết định xử lý tài sản trên cơ sở đề nghị của Giám đốc Sở Tài chính và Thủ trưởng các cơ quan có liên quan đối với các loại tài sản sau:

a) Nhà làm việc, công trình sự nghiệp, nhà ở công vụ, tài sản khác gắn liền với đất;

b) Xe ô tô;

c) Tài sản khác có nguyên giá theo sổ sách kế toán từ 500 triệu đồng trở lên/01 đơn vị tài sản hoặc 01 lần xử lý tài sản (trong đó có tài sản nguyên giá từ 500 triệu đồng trở lên/01 đơn vị tài sản).

2. Thủ trưởng các Sở, ban, ngành cấp tỉnh quyết định xử lý đối với tài sản (trừ nhà làm việc, công trình sự nghiệp, nhà ở công vụ, tài sản khác gắn liền với đất, xe ô tô) có nguyên giá theo sổ sách kế toán từ 100 triệu đồng đến dưới 500 triệu đồng/01 đơn vị tài sản hoặc từ 100 triệu đồng trở lên/01 lần xử lý tài sản (gồm nhiều tài sản có nguyên giá dưới 500 triệu đồng/01 đơn vị tài sản) trên cơ sở đề nghị của Thủ trưởng các cơ quan, tổ chức, đơn vị thuộc phạm vi quản lý.

3. Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp huyện quyết định xử lý đối với tài sản (trừ nhà làm việc, công trình sự nghiệp, nhà ở công vụ, tài sản khác gắn liền với đất, xe ô tô) có nguyên giá theo sổ sách kế toán từ 100 triệu đồng đến dưới 500 triệu đồng/01 đơn vị tài sản hoặc từ 100 triệu đồng trở lên/01 lần xử lý tài sản (gồm nhiều tài sản có nguyên giá dưới 500 triệu đồng/01 đơn vị tài sản) trên cơ sở đề nghị của Trưởng phòng Tài chính - Kế hoạch và Thủ trưởng các cơ quan có liên quan.

4. Thủ trưởng các cơ quan, tổ chức, đơn vị trực thuộc các Sở, ban, ngành cấp tỉnh; Thủ trưởng cơ quan, tổ chức, đơn vị thuộc cấp huyện, Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã quyết định xử lý đối với tài sản (trừ nhà làm việc, công trình sự nghiệp, nhà ở công vụ, tài sản khác gắn liền với đất, xe ô tô) có nguyên giá theo sổ sách kế toán dưới 100 triệu đồng/01 đơn vị tài sản hoặc 01 lần xử lý tài sản thuộc phạm vi quản lý.

Điều 12. Thẩm quyền phê duyệt phương án xử lý tài sản phục vụ hoạt động của dự án thuộc địa phương quản lý

1. Tài sản phục vụ hoạt động dự án là tài sản được hình thành theo quy định tại khoản 1 Điều 101 Luật Quản lý, sử dụng tài sản công.

2. Thẩm quyền phê duyệt phương án điều chuyển, bán, thanh lý, tiêu hủy, xử lý tài sản trong trường hợp bị mất, bị hủy hoại thực hiện theo quy định tại Điều 7, Điều 8, Điều 9, Điều 10, Điều 11 Nghị quyết này.

Điều 13. Điều khoản thi hành

1. Các nội dung khác có liên quan đến việc quản lý, sử dụng tài sản công không nêu trong Nghị quyết này thì thực hiện theo Luật Quản lý, sử dụng tài sản công ngày 21 tháng 6 năm 2017; Nghị định số 151/2017/NĐ-CP ngày 26 tháng 12 năm 2017, Nghị định số 165/2017/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2017, Nghị định số 167/2017/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2017 của Chính phủ; Thông tư số 144/2017/TT-BTC ngày 29 tháng 12 năm 2017 của Bộ trưởng Bộ Tài chính và các quy định của pháp luật có liên quan.

2. Trong quá trình tổ chức thực hiện, nếu có khó khăn, vướng mắc, Hội đồng nhân dân tỉnh giao Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh xem xét Tờ trình của Ủy ban nhân dân tỉnh để thống nhất hướng giải quyết và báo cáo tại kỳ họp Hội đồng nhân dân tỉnh gần nhất. /: *MA*

**CHỦ TỊCH**
Võ Anh Kiệt